BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số.....ngày..... tháng..... năm.....
của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TPHCM)

Tên chương trình: Quản trị kinh doanh

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh ; Mã số: 7340101

1. Mục tiêu

- Mục tiêu chung:

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh định hướng Kinh doanh số là lực lượng lao động chất lượng cao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức tổng quát về quản trị kinh doanh, kiến thức chuyên sâu về marketing và kinh doanh, sản xuất – chất lượng, nhân sự, tài chính và khả năng ứng dụng kỹ thuật số của cách mạng công nghiệp 4.0 vào kinh doanh và quản lý. Sinh viên tốt nghiệp còn có khả năng đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh doanh số.

- Mục tiêu cụ thể:

Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm, bao gồm:

1. Kiến thức về khoa học cơ bản, kiến thức tổng quan và chuyên sâu về marketing và kinh doanh, sản xuất – chất lượng, nhân sự, tài chính theo định hướng kinh doanh số .
2. Khả năng ứng dụng kỹ thuật số của cách mạng công nghiệp 4.0 vào phân tích, nghiên cứu và giải quyết vấn đề trong quản trị doanh nghiệp; có tư duy hệ thống, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, nghiên cứu khoa học, và học tập suốt đời.
3. Khả năng lãnh đạo và làm việc nhóm; Khả năng tự chủ và tự chịu trách nhiệm đối với công việc của bản thân và tập thể.
4. Khả năng đổi mới sáng tạo trong việc lập kế hoạch, triển khai, vận hành các dự án và hoạt động doanh nghiệp trong môi trường số.

2. Chuẩn đầu ra

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
1	**ELO 1: Áp dụng được kiến thức giáo dục đại cương trong quản trị doanh nghiệp.**	**4**
1.1	PI1.1: Ứng dụng kiến thức toán trong quản trị doanh nghiệp	3
1.2	PI1.2: Ứng dụng kiến thức khoa học xã hội trong quản trị doanh nghiệp	3

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
1.3	PI1.3: Ứng dụng kiến thức khoa học chính trị và pháp luật trong quản trị doanh nghiệp	4
2	**ELO 2: Áp dụng được kiến thức cơ sở ngành trong quản trị doanh nghiệp trong môi trường số.**	**4**
2.1	PI2.1: Ứng dụng được kiến thức cơ bản về quản trị doanh nghiệp trong môi trường số	4
2.2	PI2.2: Ứng dụng kiến thức khoa học dữ liệu trong quản trị doanh nghiệp trong môi trường số	4
2.3	PI2.3: Ứng dụng được công nghệ thông tin, kỹ thuật số trong quản trị doanh nghiệp trong môi trường số	3
3	**ELO 3: Áp dụng được kiến thức chuyên ngành quản trị kinh doanh trong môi trường số**	**4**
3.1	PI3.1: Áp dụng kiến thức chuyên ngành về quản trị sản xuất và chất lượng trong môi trường số	4
3.2	PI3.2: Áp dụng kiến thức chuyên ngành về quản trị nhân sự và tài chính trong môi trường số	4
3.3	PI3.3: Áp dụng kiến thức chuyên ngành về quản trị marketing và kinh doanh trong môi trường số	4
4	**ELO 4: Phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề quản trị doanh nghiệp trong môi trường số**	**4**
4.1	PI4.1: Khả năng áp dụng kiến thức cơ bản trong giải quyết vấn đề	4
4.2	PI4.2: Khả năng áp dụng kiến thức cơ sở ngành trong giải quyết vấn đề	4
4.3	PI4.3: Khả năng áp dụng kiến thức chuyên ngành trong giải quyết vấn đề	4
5	**ELO 5: Khả năng tư duy hệ thống và thực hiện nghiên cứu quản trị doanh nghiệp trong môi trường số**	**4**
5.1	PI5.1: Khả năng lên kế hoạch cho một nghiên cứu	4
5.2	PI5.2: Khả năng thực hiện nghiên cứu	4
5.3	PI5.3: Khả năng tư duy hệ thống về các vấn đề kinh tế xã hội và quản trị.	4
6	**ELO 6: Hình thành kỹ năng truyền đạt, chuyển tải và phổ biến kiến thức, kỹ năng và giải quyết vấn đề trong hoạt động kinh doanh số**	**3**
6.1	PI6.1: Khả năng truyền đạt, chuyển tải và phổ biến kiến thức	3
6.2	PI6.2: Khả năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong hoạt động kinh doanh số	3
6.3	PI6.3: Khả năng viết, đọc hiểu và giao tiếp bằng tiếng Anh	3
7	**ELO 7: Hình thành thái độ làm việc chuyên nghiệp, khả năng hội nhập quốc tế và học tập suốt đời**	**3**
7.1	PI7.1: Có thái độ làm việc chuyên nghiệp	3

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
7.2	PI7.2: Có khả năng hội nhập quốc tế	3
7.3	PI7.3: Có khả năng tìm kiếm và tổng hợp kiến thức mới thông qua các phương pháp tự học hiệu quả	3
8	**ELO 8: Hình thành năng lực lãnh đạo và kỹ năng làm việc nhóm**	**4**
8.1	PI8.1: Khả năng lên kế hoạch và phân công công việc trong nhóm	4
8.2	PI8.2: Khả năng phối hợp hoạt động trong nhóm	4
8.3	PI8.3: Khả năng đánh giá hiệu quả thực hiện công việc của các thành viên trong nhóm	3
9	**ELO 9: Khả năng lập kế hoạch, tổ chức, vận hành và kiểm soát các dự án và hoạt động doanh nghiệp trong môi trường số**	**5**
9.1	PI9.1: Khả năng lập kế hoạch các dự án và hoạt động doanh nghiệp trong môi trường số	4
9.2	PI9.2: Khả năng tổ chức và vận hành các dự án và hoạt động doanh nghiệp trong môi trường số	4
9.3	PI9.3: Khả năng đánh giá, kiểm soát, và cải thiện hiệu quả các dự án và hoạt động doanh nghiệp trong môi trường số	5

Bảng quy ước về trình độ năng lực

Trình độ năng lực		Mô tả
0.0 ≤ TĐNL ≤ 1.0	Cơ bản	Nhớ: Sinh viên ghi nhớ/ nhận ra/ nhớ lại được kiến thức bằng các hành động như định nghĩa, nhắc lại, liệt kê, nhận diện, xác định,...
1.0 < TĐNL ≤ 2.0	Đạt yêu cầu	Hiểu: Sinh viên tự kiến tạo được kiến thức từ các tài liệu, kiến thức bằng các hành động như giải thích, phân loại, minh họa, suy luận, ...
2.0 < TĐNL ≤ 3.0		Áp dụng: Sinh viên thực hiện/ áp dụng kiến thức để tạo ra các sản phẩm như mô hình, vật thật, sản phẩm mô phỏng, bài báo cáo,...
3.0 < TĐNL ≤ 4.0	Thành thạo	Phân tích: Sinh viên phân tích tài liệu/ kiến thức thành các chi tiết/ bộ phận và chỉ ra được mối quan hệ của chúng tổng thể bằng các hành động như phân tích, phân loại, so sánh, tổng hợp,...
4.0 < TĐNL ≤ 5.0		Đánh giá: Sinh viên đưa ra được nhận định, dự báo về kiến thức/ thông tin theo các tiêu chuẩn, tiêu chí và chỉ số đo lường đã được xác định bằng các hành động như nhận xét, phản biện, đề xuất,...
5.0 < TĐNL ≤ 6.0	Xuất sắc	Sáng tạo: Sinh viên kiến tạo/ sắp xếp/ tổ chức/ thiết kế/ khái quát hóa các chi tiết/ bộ phận theo cách khác/ mới để tạo ra cấu trúc/ mô hình/ sản phẩm mới.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Khối lượng kiến thức toàn khoá: 124 tín chỉ (không bao gồm Tiếng Anh, Chuyên đề doanh nghiệp, Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng)

4. Đối tượng tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông
- Hình thức tuyển sinh: Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, và Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh
- Phương thức tuyển sinh: Tuyển sinh theo các phương thức được quy định bởi Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh.
- Các tổ hợp môn học sử dụng trong xét tuyển: Được quy định theo Quy chế tuyển sinh của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp.HCM.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh thực hiện theo các quy định sau:

1. Thông tư 08/2021/TT-GDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.
2. Quyết định số 1727/QĐ-ĐHSPKT ngày 06 tháng 9 năm 2021 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh.
3. Quyết định Số 2146/QĐ-ĐHSPKT ngày 05 tháng 8 năm 2024 về việc thay thế QĐ số 2163/QĐ-ĐHSPKT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Quyết định số 1284a/QĐ-ĐHSPKT ngày 10/8/2018 và Quyết định số 1727/QĐ-ĐHSPKT ngày 06/9/2021 của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh.
4. Quyết định số 1238/QĐ-ĐHSPKT ngày 11 tháng 05 năm 2023 về việc ban hành quy định các học phần Ngoại ngữ trong chương trình đào tạo trình độ đại học từ khóa 2023 của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh.

6. Cách thức đánh giá

Thang điểm: 10. Cách thức đánh giá theo quy định/quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh.

7. Nội dung chương trình

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 124, trong đó:

1. Khối kiến thức giáo dục đại cương: 32
   - Kiến thức bắt buộc: 28
   - Kiến thức tự chọn: 4
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 92
   - Kiến thức bắt buộc: 80
   - Kiến thức tự chọn: 12
3. Khối kiến thức giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng: Không tính
4. Chuyên đề doanh nghiệp: Không tính

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ
KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		**40**
A. Khối kiến thức bắt buộc		**28**
I. Lý luận chính trị + Pháp luật		**14**
1	Triết học Mác – Lênin	3
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2
6	Pháp luật đại cương	3
II. Toán học và KHTN		**9**
1	Toán kinh tế 1	3
2	Toán kinh tế 2	3
3	Thống kê trong kinh doanh	3
III. Nhập môn ngành		**3** (2+1)
1	Nhập môn ngành QTKD	3 (2+1)
IV. Tin học		**2**
1	Tin học ứng dụng	2(1+1)
V. Ngoại ngữ		**8 (không tích lũy)**
1	Kỹ năng giao tiếp Tiếng Anh Sơ cấp	4
2	Kỹ năng giao tiếp Tiếng Anh Trung cấp	4
B. Khối kiến thức tự chọn đại cương		**4**
V. Tự chọn kiến thức đại cương (theo danh mục)		**4**
C. Khối kiến thức GDTC + GDQP		
VIII. Giáo dục thể chất		
1	Giáo dục thể chất 1	1
2	Giáo dục thể chất 2	1
3	Tư chọn *Giáo dục thể chất 3*	1
IX. Giáo dục quốc phòng		4
KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGHIỆP		**92**
A. Khối kiến thức bắt buộc		**80**
1	Cơ sở nhóm ngành và ngành	26
2	Chuyên ngành	46
3	Chuyên đề doanh nghiệp	1 (Không tích lũy)
4	Thực tập	2
5	Khóa luận tốt nghiệp	6
B. Khối kiến thức tự chọn		**12**
1	Tự chọn Cơ sở nhóm ngành và ngành	6
2	Tự chọn chuyên ngành	6

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương

A – Phần bắt buộc

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	LLCT130105	Triết học Mác – Lênin	3	
2.	LLCT120205	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	
3.	LLCT120405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4.	LLCT120314	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
5.	LLCT220514	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	
6.	GELA236939	Pháp luật đại cương	3	
7.	MATH132701	Toán kinh tế 1	3	
8.	MATH132801	Toán kinh tế 2	3	MATH132701 (MHT)
9.	BSTA231006	Thống kê trong kinh doanh	3	MATH132801 (MHT)
10.	INBA130206	Nhập môn ngành QTKD	3(2+1)	
11.	APCM220307	Tin học ứng dụng	2	
12.		Tự chọn kiến thức đại cương	4	
13.	PHED110513	Giáo dục thể chất 1	1	Không tích lũy TC
14.	PHED110613	Giáo dục thể chất 2	1	Không tích lũy TC
15.	PHED130715	Giáo dục thể chất 3	1	Không tích lũy TC
16.	-	Giáo dục quốc phòng	4	Không tích lũy TC
17.	ENCO140126	Kỹ năng giao tiếp Tiếng Anh Sơ cấp	4	Không tích lũy TC
18.	ENCO240226	Kỹ năng giao tiếp Tiếng Anh Trung cấp	4	Không tích lũy TC
Tổng			**32**	

B – Phần tự chọn:
Kiến thức giáo dục đại cương *(Sinh viên chọn **04 tín chỉ** trong các môn học sau)*

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước (MHT), MH tiên quyết (MTQ)	Học kỳ
1.	PLSK120290	Kỹ năng xây dựng kế hoạch	2		HK2 - Đợt 1
2.	BPLA121808	Kế hoạch khởi nghiệp	2		HK2 - Đợt 1
3.	SYTH220491	Tư duy hệ thống	2		HK2 - Đợt 2
4.	INLO220405	Nhập môn logic học	2		HK3 - Đợt 1
5.	PSBU220408	Tâm lý học kinh doanh	2		HK3 - Đợt 1
6.	BCOM320106	Giao tiếp kinh doanh	2		HK3 - Đợt 2

C – Khối kiến thức GDTC + GDQP

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước (MHT), MH tiên quyết (MTQ)
1.	PHED110513	Giáo dục thể chất 1	1	
2.	PHED110613	Giáo dục thể chất 2(tự chọn)	1	
3.	PHED130715	Giáo dục thể chất 3 (tự chọn)	1	
4.		Giáo dục quốc phòng	4 (165 tiết)	

7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

A – Phần bắt buộc

a. Kiến thức cơ sở nhóm ngành và ngành

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước (MHT), MH tiên quyết (MTQ)
1.	BLAW220308	Luật kinh tế	2	GELA236939 (MHT)
2.	ECON240206	Kinh tế học	4	
3.	PRAC230407	Nguyên lý kế toán	3	
4.	FUMA230806	Quản trị học căn bản	3	
5.	MAIS430306	Hệ thống thông tin quản lý (MIS)	3	
6.	RMET220406	Phương pháp nghiên cứu	2	
7.	DANA230706	Phân tích dữ liệu	3	RMET220406 (MTQ)
8.	MAOP230706	Tối ưu hóa	3	
9.	BAMA231206	Marketing căn bản	*3*	
Tổng			**26**	

b. Kiến thức chuyên ngành

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước (MHT), MH tiên quyết (MTQ)
Hướng Quản trị sản xuất - chất lượng				
1.	OPMA340806	Quản trị vận hành	4	FUMA230806 (MHT)
2.	QMAN331606	Quản trị chất lượng	3	BSTA231006 (MHT)
3.	ERPS431208	Hệ thống HĐ nguồn lực DN (ERP)	3	
4.	ELOG332509	E-logistics	3	FUMA230806 (MHT)
Tổng			**13**	
Hướng Marketing và kinh doanh				
5.	IMCO334008	Truyền thông marketing tích hợp	3	
6.	ECOM431308	Thương mại điện tử	3	
7.	FTMA430908	Quản trị ngoại thương	3	
8.	BUAN331706	Phân tích kinh doanh	3	
9.	DSMA331806	Quản trị chiến lược trong môi trường số	3	FUMA230806 (MHT) BAMA231206 (MHT)
10.	SAMA332008	Quản trị bán hàng	3	
Tổng			**18**	
Hướng Quản trị nhân sự				
11.	DHRM331906	Quản trị nguồn nhân lực trong môi trường số	3	FUMA230806 (MHT)
12.	CCMA332006	Quản trị đa văn hóa	3	
Tổng			**6**	
Hướng Quản trị tài chính				
13.	FIMA430807	Quản trị tài chính	3	PRAC230407 (MHT)
14.	PRMA434308	Quản trị dự án	3	FUMA230806 (MHT)
15.	MARI331907	Quản trị rủi ro	3	
Tổng			**9**	
Tổng			**46**	

c. Chuyên đề DN – Thực tập – Khóa luận Tốt nghiệp

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước (MHT), MH tiên quyết (MTQ)
1.	SEMI310026	Chuyên đề doanh nghiệp	01	không tích lũy
2.	BAIN421306	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	02	
3.	BAGR461306	Khóa luận tốt nghiệp (QTKD)	06	BAIN421306 (MTQ)
Tổng			**8**	

B – Phần tự chọn:

a. Kiến thức cơ sở ngành Nhóm A (Sinh viên chọn 06 tín chỉ trong các môn sau)

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước (MHT), MH tiên quyết (MTQ)	Học kỳ
1.	ABDA433708	Ứng dụng phân tích dữ liệu lớn trong kinh doanh (Big Data)	3		HK4 - Đợt 1
2.	CSRE231306	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	3		HK4 - Đợt 1
3.	DECO230407	Kinh tế số	3		HK4 - Đợt 1
4.	INMA231406	Quản trị sáng tạo và đổi mới	3		HK5 - Đợt 1
5.	FUBY333808	Lập trình căn bản Python	3 (2+1)		HK5 - Đợt 1
6.	EPAY431408	Thanh toán điện tử	3		HK5 - Đợt 2

b. Kiến thức chuyên ngành Nhóm B (Sinh viên chọn 06 tín chỉ trong các môn sau)

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước (MHT), MH tiên quyết (MTQ)	Học kỳ
1.	BPLA430606	Kế hoạch kinh doanh	3		HK5 - Đợt 2
2.	MAAC430507	Kế toán quản trị	3	PRAC230407 (MHT)	HK5 - Đợt 2
3.	ORBE330306	Hành vi tổ chức	3		HK5 - Đợt 2
4.	BUSI332106	Mô phỏng kinh doanh	3	BSTA231106 (MHT)	HK6 - Đợt 1
5.	PRAN331106	Lập và phân tích dự án	3		HK6 - Đợt 2

8. Kế hoạch giảng dạy

Ghi chú: Các môn học Lý luận chính trị, Giáo dục thể chất, và Tiếng Anh sau không bố trí vào lịch học cố định mà sinh viên tự sắp xếp học theo kế hoạch mở lớp của nhà trường. Các môn Lý luận chính trị nên học theo thứ tự như sau:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH tiên quyết
1.	LLCT120205	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	LLCT130105
2.	LLCT120405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	LLCT130105
3.	LLCT120314	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	LLCT130105
4.	LLCT220514	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	LLCT120205 LLCT120405 LLCT120314
5.	PHED110613	Giáo dục thể chất 2	1	
6.	PHED130715	Giáo dục thể chất 3	1	
7.	ENCO140126	Kỹ năng giao tiếp Tiếng Anh Sơ cấp	4	Không tích lũy
8.	ENCO240226	Kỹ năng giao tiếp Tiếng Anh Trung cấp	4	Không tích lũy
Tổng			**8**	

8. Bố trí các môn học trong 8 học kỳ:

Học kỳ 1:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, MH tiên quyết	Đợt đào tạo
1.	INBA130206	Nhập môn ngành QTKD	3(2+1)		1
2.	ECON240206	Kinh tế học	4		2
3.	MATH132701	Toán kinh tế 1	3		1
4.	APCM220307	Tin học ứng dụng	2(1+1)		1
5.	LLCT130105	Triết học Mác – Lênin	3		2
Tổng			**15**		

Ghi chú: Môn Nhập môn ngành QLCN có mời chuyên chuyên gia từ doanh nghiệp hoặc cựu sinh viên thành đạt về trình bày.

Học kỳ 2:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, MH tiên quyết	Đợt đào tạo
1.	FUMA230806	Quản trị học căn bản	3		1
2.	MATH132801	Toán kinh tế 2	3	MATH132701	1
3.	PRAC230407	Nguyên lý kế toán	3		2
4.	BAMA231206	Marketing căn bản	3		2
5.		Tự chọn đại cương	2		1-2
6.	GELA236939	Pháp luật đại cương	3		1
7.	PHED110513	Giáo dục thể chất 1	0		2

8.	MAIS430306	Hệ thống thông tin quản lý (MIS)	3		2
Tổng			**20**		

Học kỳ 3:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, MH tiên quyết	Đợt đào tạo
1.	BSTA231006	Thống kê trong kinh doanh	3	MATH132801	1
2.	BLAW220308	Luật kinh tế	2	GELA236939	1
3.	FTMA430908	Quản trị ngoại thương	3		2
4.	MAOP230706	Tối ưu hóa	3		2
5.	SAMA332008	Quản trị bán hàng	3		2
6.	RMET220406	Phương pháp nghiên cứu	2		1
7.		Tự chọn đại cương	2		1-2
Tổng			**18**		

Học kỳ 4:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, MH tiên quyết	Đợt đào tạo
1.	DANA230706	Phân tích dữ liệu	3	RMET220406	1
2.	PRMA434308	Quản trị dự án	3	FUMA230806	2
3.	ECOM431308	Thương mại điện tử	3		1
4.	ELOG332509	E-logistics	3		2
5.		Tự chọn A	3		1
6.		Tự chọn B	3		2
Tổng			**18**		

Học kỳ 5:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, MH tiên quyết	Đợt đào tạo
1.	DHRM331906	Quản trị nguồn nhân lực trong môi trường số	3		2
2.	IMCO334008	Truyền thông marketing tích hợp	3		1
3.	OPMA340806	Quản trị vận hành	4		1
4.	FIMA430807	Quản trị tài chính	3	PRAC230407	2
5.	DSMA331806	Quản trị chiến lược trong môi trường số	3		2
6.		Tự chọn A	3		1
Tổng			**19**		

Học kỳ 6:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, MH tiên quyết	Đợt đào tạo
1.	MARI331907	Quản trị rủi ro	3		1
2.	CCMA332006	Quản trị đa văn hóa	3		2
3.	BUAN331706	Phân tích kinh doanh	3		1
4.	ERPS431208	Hệ thống HĐ nguồn lực DN (ERP)	3		2
5.	QMAN331606	Quản trị chất lượng	3		1
6.		Tự chọn B	3		1-2
Tổng			**18**		

Học kỳ 7:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, MH tiên quyết	Đợt đào tạo
1.	SEMI310026	Chuyên đề doanh nghiệp	1	Không tích lũy TC	2
2.	BAIN421306	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	2		2
Tổng			**2**		

Học kỳ 8:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, MH tiên quyết	Đợt đào tạo
1.	BAGR461306	Khóa luận tốt nghiệp (QTKD)	06	INTE421106	2
Tổng			**6**		

9. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng HP *(tóm tắt)*	Khối lượng kiến thức (LT/TH / Tự học)	Môn học trước
KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG				**40**	
I. Lý luận chính trị				***14***	
1.	LLCT120205	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Hiểu được các khái niệm về kinh tế như hàng hóa, thị trường, tiền, giá trị thặng dư, độc quyền, công nghiệp hóa… Nhận biết được nội dung và tác động của một số quy luật kinh tế. Nhận thức được các	2/0/4	LLCT130105

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng HP *(tóm tắt)*	Khối lượng kiến thức (LT/TH / Tự học)	Môn học trước
			vấn đề cơ bản của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, phương thức sản xuất, trách nhiệm công dân, ý thức kỷ luật…		
2.	LLCT13 0105	Triết học Mác – Lênin	Hiểu được những nội dung cơ bản về triết học Mác-Lê nin, vai trò và những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng.	3/0/6	
3.	LLCT12 0405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Hiểu được quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học, nội dung, sứ mệnh lịch sử, vấn đề của chủ nghĩa xã hội khoa học. Vận dụng được tri thức để giải thích những vấn đề chính trị - xã hội hiện nay. Có lập trường tư tưởng vững vàng, có tinh thần phê bình và có ý thức kỷ luật tốt…	2/0/4	LLCT1 30105
4.	LLCT12 0314	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Trình bày được khái niệm, cơ sở hình thành, hệ thống quan điểm và vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh. Vận dụng được các cơ sở, phương pháp luận vào lĩnh vực chuyên ngành.	2/0/4	LLCT1 30105
5.	LLCT22 0514	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Trình bày được các nội dung cơ bản về lịch sự Đảng Cộng sản Việt Nam. Áp dụng được kiến thức để giải quyết được vấn đề trong cuộc sống. Tuân thủ đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.	2/0/4	LLCT1 20205 LLCT1 20405 LLCT1 20314
6.	GELA23 6939	Pháp luật đại cương	Trình bày được các nội dung cơ bản về lý luận Nhà nước và pháp luật, các quy định của pháp luật VN. Vận dụng giải quyết được tình huống trong thực tế.	3/0/6	
II. Toán học và KHTN				***9***	
7.	MATH1 32701	Toán kinh tế 1	Học phần này bao gồm các kiến thức về ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ R^n, dạng toàn phương, phép tính vi phân hàm một biến và một số ứng dụng vào trong kinh tế	3/0/6	
8.	MATH1 32801	Toán kinh tế 2	Học phần này bao gồm các kiến thức về phép tính vi phân hàm nhiều biến, phép	3/0/6	MATH 132701

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng HP *(tóm tắt)*	Khối lượng kiến thức (LT/TH / Tự học)	Môn học trước
			tính tích phân hàm một biến (tích bất định, tích phân xác định, tích phân suy rộng), phương trình vi phân cấp 1 & 2. Một số ứng dụng kiến thức toán vào trong kinh tế.		
9.	BSTA231106	Thống kê trong kinh doanh	Môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức liên quan đến thống kê đặc biệt là áp dụng vào việc quản trị chất lượng, quản trị vận hành, phân tích kinh doanh và ra quyết định trong kinh doanh.	3/0/6	MATH132801
III. Nhập môn ngành QTKD				***3 (2+1)***	
10.	INBA130206	Nhập môn ngành QTKD	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản nhất về ngành học Quản trị kinh doanh cũng như các hiểu biết nhất định về Khoa và Nhà trường. Trang bị cho sinh viên một số phương pháp học tập tại bậc đại học cũng như 1 số kỹ năng cần thiết cho học tập và làm việc sau này.	2/1/8	
IV. Tin học				***2 (1+1)***	
11.	APCM220307	Tin học ứng dụng	Học phần này bao gồm các kiến thức về ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ R^n, dạng toàn phương, phép tính vi phân hàm một biến và một số ứng dụng vào trong kinh tế	1/1/6	
V. Ngoại ngữ				***8***	
12.	ENCS140026	Kỹ năng giao tiếp Tiếng Anh 1	Khóa học này đặc biệt cung cấp cho sinh viên cơ hội hiểu các câu và các biểu đạt thường dùng liên quan đến các lĩnh vực gần gũi nhất, chẳng hạn như thông tin cá nhân và gia đình cơ bản, mua sắm, địa lý địa phương, và công việc. Khóa học giúp sinh viên giao tiếp bằng tiếng Anh nói trong các nhiệm vụ đơn giản và thường lệ, yêu cầu trao đổi thông tin đơn giản và trực tiếp về các vấn đề quen thuộc và thường xuyên. Sinh viên được yêu cầu mô tả bằng tiếng Anh nói các khía cạnh đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh, và các vấn đề trong các lĩnh vực cần thiết trước	4/0/8	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng HP *(tóm tắt)*	Khối lượng kiến thức (LT/TH / Tự học)	Môn học trước
			mắt.		
13.	ENCS240026	Kỹ năng giao tiếp Tiếng Anh 2	Khóa học này đặc biệt mang đến cho sinh viên cơ hội hiểu được các ý chính của các đoạn tiếng Anh tiêu chuẩn rõ ràng về những chủ đề quen thuộc thường gặp trong công việc, trường học, giải trí và các tình huống tương tự. Sinh viên được yêu cầu xử lý hầu hết các tình huống có thể xảy ra khi đi du lịch ở những nơi nói tiếng Anh. Họ cũng được yêu cầu tạo ra các bài nói tiếng Anh đơn giản, kết nối về các chủ đề quen thuộc hoặc có liên quan đến sở thích cá nhân. Sinh viên còn được chuẩn bị để mô tả các trải nghiệm và sự kiện, ước mơ, hy vọng và hoài bão của mình một cách ngắn gọn, đồng thời đưa ra lý do và giải thích cho các ý kiến và kế hoạch của mình.	4/0/8	
***VI.* Khối kiến thức tự chọn đại cương**				***4***	
14.	PLSK120290	Kỹ năng xây dựng kế hoạch	Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp xây dựng kế hoạch. Hướng dẫn cho người học các kỹ năng tư duy và tìm kiếm giải pháp phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh bản thân để từ đó người học hình thành cho mình kỹ năng xây dựng kế hoạch học tập, kế hoạch cá nhân ngắn hạn và dài hạn, kế hoạch cho công việc phù hợp và hiệu quả. Ngoài ra còn hướng dẫn người học cách thức và kỹ năng quản lí thời gian và sắp xếp công việc hiệu quả.	2/0/4	
15.	BPLA121808	Kế hoạch khởi nghiệp	Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình khởi nghiệp kinh doanh từ tìm kiếm cơ hội kinh doanh, thấu hiểu nhu cầu khách hàng, đến phát triển ý tưởng sản phẩm, đề ra chiến lược	2/0/4	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng HP *(tóm tắt)*	Khối lượng kiến thức (LT/TH / Tự học)	Môn học trước
			kinh doanh phù hợp trong các bối cảnh thị trường khác nhau. Sinh viên làm việc theo nhóm dự án để thực hành lập bản kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh và trải nghiệm gọi vốn đầu tư. Sinh viên được phát triển khả năng phân tích, đánh giá tính khả thi, tính hiệu quả, khả năng sinh lời, khả năng phát triển của một dự án kinh doanh khởi nghiệp		
16.	SYTH220491	Tư duy hệ thống	Học phần Tư duy hệ thống giới thiệu cho sinh viên những kiến thức căn bản về Tổng quan hệ thống; Tư duy để sống, học tập và làm việc hiệu quả hơn; Phương pháp luận tư duy hệ thống; Các phương pháp tư duy và tìm kiếm giải pháp sáng tạo.	2/0/4	
17.	INLO220405	Nhập môn logic học	Học phần này trang bị cho người học những kiến thức về quá trình nhận thức của con người và bản chất của hoạt động tư duy, các quy luật cơ bản của tư duy và các hình thức của tư duy qua đó rèn luyện tư duy logic, có thể sử dụng chính xác từ, câu trong diễn đạt tư tưởng, có kỹ năng lập luận, diễn giải cũng như chứng minh, bác bỏ vấn đề có sức thuyết phục, suy nghĩ chín chắn, nhất quán, khắc phục những sai phạm trong tư duy, trong giao tiếp	2/0/4	
18.	PSBU220408	Tâm lý học kinh doanh	Môn Tâm lý học kinh doanh sẽ giúp cho sinh viên có những kiến thức cơ bản để hiểu tâm lý con người – đối tượng của quản lý. Môn học giới thiệu toàn bộ đời sống tâm lý của cá nhân bao gồm: các quá trình, trạng thái và thuộc tính tâm lý với những đặc điểm, quy luật và cơ chế của nó giúp cho sinh viên ứng dụng vào việc nghiên cứu những vấn đề cơ bản phục vụ cho việc tổ chức sản xuất kinh doanh; quản trị nhân sự; quản trị tài chính; Marketing;	2/0/4	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng HP *(tóm tắt)*	Khối lượng kiến thức (LT/TH / Tự học)	Môn học trước
			đào tạo nhân viên,..		
19.	BCOM320106	Giao tiếp kinh doanh	Môn học cung cấp cho sinh viên những cơ sở lý luận của hoạt động giao tiếp như: Khái niệm, vai trò, ý nghĩa của giao tiếp… Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được học các nguyên lý giao tiếp hiệu quả, các hình thức giao tiếp và cách vận dụng những kỹ năng giao tiếp vào thực tế công việc hàng ngày, đặc biệt là trong hoạt động kinh doanh.	2/0/4	
KIẾN THỨC CHUYÊN NGHIỆP				**92**	
I. Cơ sở nhóm ngành và ngành				***26***	
20.	BLAW220308	Luật kinh tế	Môn học Luật kinh doanh từng bước cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về triết lý, bản chất, vai trò và chức năng của pháp luật kinh tế đối với môi trường kinh doanh. Môn học này cũng sẽ giúp cho người học nhận diện được mối quan hệ mật thiết giữa luật và kinh tế học. Theo đó, luật pháp được được coi là một yếu tố tạo nên chi phí kinh doanh. Với chủ đích tạo một môi trường học tập từ những gì đang diễn ra trong cuộc sống hàng ngày, môn học Luật kinh doanh với một tập hợp các tình huống có thật sẽ cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về các triết lý của pháp luật nói chung và luật kinh tế nói riêng. Các học thuyết này bao gồm học thuyết về quyền sở hữu; học thuyết về quyền tự do kinh doanh; lý thuyết về cạnh tranh; thuyết chi phí giao dịch; học thuyết pháp nhân và tính chịu trách nhiệm hữu hạn; lý thuyết về uỷ quyền- tác nghiệp; học thuyết về tự do khế ước; học thuyết về điều chỉnh thông tin bất cân xứng và quản lý rủi ro; học thuyết về lẽ công bằng…	2/0/4	
21.	ECON240206	Kinh tế học	Môn Kinh tế học cung cấp cho sinh viên chuyên ngành kinh tế những nguyên lý cơ bản để phân tích hoạt động kinh tế đang	4/0/8	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng HP *(tóm tắt)*	Khối lượng kiến thức (LT/TH / Tự học)	Môn học trước
			diễn ra trong nền kinh tế thị trường dưới góc độ vi mô cũng như vĩ mô. Với những kiến thức được cung cấp từ môn học này, người học sẽ có cái nhìn năng động và hệ thống về các hoạt động kinh tế trong thực tiễn của nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Từ đó, sinh viên có thể vận dụng các nguyên lý, các quy luật kinh tế để xử lý tình huống cụ thể.		
22.	PRAC230407	Nguyên lý kế toán	Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về kế toán - một trong những công cụ quản lý kinh tế của doanh nghiệp. Sinh viên được trình bày về những lý thuyết căn bản, mục tiêu của kế toán, đối tượng của kế toán, nguyên tắc và các phương pháp kế toán được vận dụng cũng như các bước thực hành cơ bản trong 1 chu kỳ kế toán (như sinh viên được làm quen với chứng từ kế toán, với việc định khoản và ghi chép sổ sách kế toán, lập báo cáo kế toán dạng đơn giản, …).	3/0/6	
23.	FUMA230806	Quản trị học căn bản	Việc quản lý có hiệu quả công việc của nhân viên trong các tổ chức là vấn đề chính yếu của xã hội công nghiệp hóa vì chính những người quản lý là những người phải đưa ra quyết định về việc sử dụng nguồn nhân lực, vật liệu, công nghệ, và vốn. Môn học này sẽ khắc hoạ hình ảnh thực tế về những công việc mà người quản lý cần làm. Hơn nữa, môn học cũng sẽ giúp chỉ ra những kỹ năng mà các nhà quản lý phải áp dụng để đạt được những mục tiêu và tiêu chuẩn quan trọng đã đề ra bằng cách cung cấp những kiến thức cơ bản về một loạt các chủ đề bao gồm hoạch định, tổ chức, biên chế, lãnh đạo, thay đổi và ra quyết định trong tổ chức.	3/0/6	
24.	MAIS430	Hệ thống	Học phần này cung cấp cho sinh viên	3/0/6	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng HP *(tóm tắt)*	Khối lượng kiến thức (LT/TH / Tự học)	Môn học trước
	306	thông tin quản lý (MIS)	những kiến thức tổng quát về công nghệ thông tin, các thành phần và các loại hệ thống thông tin, từ đó có thể đưa ra những chiến lược ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp trong quản lý doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh trong xu hướng thời đại mới.		
25.	RMET220406	Phương pháp nghiên cứu	Môn học trang bị cho sinh viên cách tìm kiếm và đọc hiểu các bài báo khoa học từ đó xác định được hướng nghiên cứu trong lĩnh vực quản trị và kinh tế. Sau khi kết thúc môn học sinh viên có thể viết một đề cương nghiên cứu hoàn chỉnh và mang tính khả thi khi triển khai thực hiện.	2/0/4	
26.	DANA230706	Phân tích dữ liệu	Môn học giúp sinh viên có thể triển khai một nghiên cứu cụ thể khi đã có đề cương nghiên cứu. Việc triển khai bao gồm việc đi thu thập dữ liệu, phân tích dữ liệu và viết báo cáo tổng kết lại kết quả nghiên cứu.	3/0/6	
27.	MAOP230706	Tối ưu hóa	Môn học được mở đầu bằng việc giới thiệu vài vấn đề thực tế dẫn đến mô hình quy hoạch tuyến tính. Trọng tâm của môn học là phần trình bày giải thuật đơn hình ở các mức độ sử dụng khác nhau. Lý thuyết đối ngẫu được trình bày một cách đơn giản. Phần ứng dụng của quy hoạch tuyến tính được trình bày sau cùng để thấy sự ứng dụng rộng rãi của quy hoạch tuyến tính.	3/0/6	
28.	BAMA231206	Marketing căn bản	Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về marketing, marketing là gì và quá trình tiến hành hoạt động marketing trong một đơn vị như thế nào. Quá trình marketing bắt đầu bằng việc phải hiểu biết sâu sắc môi trường marketing, nhu cầu và ước muốn của người tiêu dùng, trên cơ sở đó doanh nghiệp sẽ xây dựng một chiến lược marketing hướng về khách hàng	3/0/6	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng HP *(tóm tắt)*	Khối lượng kiến thức (LT/TH / Tự học)	Môn học trước
			(customer-driven marketing strategy) nhằm cung cấp giá trị vượt trội cho khách hàng.		
II. Chuyên ngành				***46***	
29.	OPMA340806	Quản trị vận hành	Khóa học này cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản, thuật ngữ, nguyên tắc, phương pháp luận và kỹ thuật cũng như thực hành trong Quản lý vận hành. Các chủ đề bao gồm chiến lược vận hành, quyết định vận hành, lập kế hoạch năng lực, dự báo, vị trí cơ sở, lập kế hoạch tổng hợp, lập lịch sản xuất, lập kế hoạch nhu cầu vật tư và bố trí cơ sở. Đây là môn học chính giúp sinh viên nắm vững lý thuyết và áp dụng vào thực tế trong các doanh nghiệp sản xuất và nhà cung cấp dịch vụ	4/0/8	
30.	QMAN331606	Quản trị chất lượng	Môn học nhằm khái quát những khái niệm cơ bản về chất lượng, quản lý chất lượng, các hệ thống chất lượng và cung cấp một số công cụ, kỹ thuật trong quản lý chất lượng để thực hiện cải tiến chất lượng trong các doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ.	3/0/6	
31.	ERPS431208	Hệ thống HĐ nguồn lực DN (ERP)	Môn học được mở đầu bằng việc giới thiệu vài vấn đề thực tế dẫn đến mô hình quy hoạch tuyến tính. Trọng tâm của môn học là phần trình bày giải thuật đơn hình ở các mức độ sử dụng khác nhau. Lý thuyết đối ngẫu được trình bày một cách đơn giản. Phần ứng dụng của quy hoạch tuyến tính được trình bày sau cùng để thấy sự ứng dụng rộng rãi của quy hoạch tuyến tính.	3/0/6	
32.	ELOG332509	E-logistics	Học phần E-Logistics cung cấp các kiến thức liên quan đến các khái niệm của kinh doanh điện tử (E-Business), Logistics điện tử (E-Logistics), Các mô hình E-Logistics, Vận tải và kho bãi trong E-Logistics, Các công nghệ được ứng dụng cho hoạt động vận hành E-Logistics, vận hành cảng biển,	3/0/6	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng HP *(tóm tắt)*	Khối lượng kiến thức (LT/TH / Tự học)	Môn học trước
			Quy trình xây dựng chiến lược và xây dựng dự án E-Logistics.		
33.	IMCO334008	Truyền thông marketing tích hợp	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức nâng cao trong lĩnh vực Truyền thông Marketing, đặc biệt là Truyền Thông Marketing Tích Hợp dựa trên các kiến thức cơ bản về Marketing. Môn học giúp sinh viên có khả năng xây dựng, thực hiện và đánh giá một chương trình Truyền thông Marketing Tích hợp cho một sản phẩm hoặc nhãn hàng bất kỳ của doanh nghiệp một cách có hệ thống và phù hợp.	3/0/6	
34.	ECOM431308	Thương mại điện tử	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về thương mại điện tử, cách ứng dụng và triển khai dự án về thương mại điện tử, từ đó có thể áp dụng đưa ra những chiến lược thương mại điện tử phù hợp trong doanh nghiệp, nắm được phương thức triển khai hiệu quả nhất nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trong thời đại kỹ thuật số.	3/0/6	
35.	FTMA430908	Quản trị ngoại thương	Môn Quản trị ngoại thương cung cấp kiến thức nghiệp vụ ngoại thương, giúp người học có được những kỹ thuật cơ bản trong giao dịch, mua bán với nước ngoài. Trang bị một số thông lệ, qui ước trong thương mại quốc tế, giúp người học năm được nôi dung và qui trình của các phương thức thanh toán quốc tế… Nói chung, môn học giúp người học có thể quản trị quá trình thực hiện hợp đồng mua bán ngoại thương hiệu quả.	3/0/6	
36.	BUAN331706	Phân tích kinh doanh	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về phân tích kinh doanh. Môn học này khám phá sự tích hợp của các kỹ thuật khoa học dữ liệu với chiến lược kinh doanh và ra quyết định. Sinh viên sẽ	3/0/6	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng HP *(tóm tắt)*	Khối lượng kiến thức (LT/TH / Tự học)	Môn học trước
			học cách thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu để thúc đẩy hiểu biết và chiến lược kinh doanh. Các chủ đề bao gồm quản lý dữ liệu, phân tích dữ liệu khám phá, mô hình dự đoán, máy học, công nghệ dữ liệu lớn và truyền đạt hiệu quả những hiểu biết sâu sắc dựa trên dữ liệu		
37.	DSMA331806	Quản trị chiến lược trong môi trường số	Quản trị chiến lược xem xét tình hình hoạt động của doanh nghiệp, các vấn đề về lập chiến lược và thực thi chiến lược theo quan điểm của giám đốc doanh nghiệp, cung cấp khung tổng quát để quản lý tổ chức và các bộ phận chức năng. Những ai có kế hoạch nghề nghiệp đảm trách chức vụ quản lý cao cấp, chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ, hoặc phụ trách các bộ phận chức năng sẽ thấy môn học này hữu ích trong việc nâng cao hiệu quả của tổ chức.	3/0/6	
38.	SAMA332008	Quản trị bán hàng	Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức liên quan đến hoạt động bán hàng và quản trị bán hàng, bao gồm: đặc trưng hoạt động bán hàng, môi trường bán hàng, tổ chức, quản lý, và kiểm soát hoạt động bán hàng, phân tích hành vi khách hàng, ứng dụng các kỹ thuật bán hàng v.v. Xuyên suốt môn học, sinh viên sẽ tham gia thực tế một dự án bán hàng bất kỳ để vận dụng các kiến thức được trang bị. Những kiến thức thực tiễn cũng như lý thuyết sẽ hỗ trợ tốt cho sinh viên trong hoạt động kinh doanh thực tiễn sau này.	3/0/6	
39.	DHRM331906	Quản trị nguồn nhân lực trong môi trường số	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về nghiệp vụ quản trị Nhân sự. Thông qua lý thuyết kết hợp với thảo luận các tình huống, và làm các báo cáo thuyết trình nhóm, sinh viên làm quen với công tác quản trị nguồn nhân lực tại các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp	3/0/6	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng HP *(tóm tắt)*	Khối lượng kiến thức (LT/TH / Tự học)	Môn học trước
			vừa và nhỏ. Môn học tập trung nhiều vào phân tích và xử lý tình huống.		
40.	CCMA332006	Quản trị đa văn hóa	Học phần cung cấp cho người học các lý thuyết và thực tiễn liên quan đến văn hoá và văn hoá tổ chức, xu hướng thực hành quản trị đa văn hoá. Đây là nền tảng để người học có thể hội nhập, làm việc và quản lý các nhóm và các tổ chức trong môi trường đa văn hoá.	3/0/6	
41.	FIMA430807	Quản trị tài chính	Môn học này trang bị cho sinh viên những khái niệm, nguyên tắc và kỹ thuật cơ bản của quản trị tài chính và ứng dụng những nguyên tắc này trong việc ra quyết định của giám đốc tài chính: quyết định đầu tư, tài trợ và cổ tức. Sinh viên được làm quen với những vấn đề chính mà một giám đốc tài chính phải đối diện trong công ty. Những chủ đề chính bao gồm: sự bất cân xứng về thông tin, vấn đề đại diện, phân tích điểm hòa vốn, ra quyết định đầu tư trong điều kiện quốc tế hóa, cấu trúc vốn, định giá doanh nghiệp, huy động vốn, quản trị vốn lưu động và lập kế hoạch tài chính.	3/0/6	
42.	PRMA434308	Quản trị dự án	môn học này cung cấp các kiến thức và kỹ năng cơ bản trong quản lý dự án như phân tích và lựa chọn dự án, hoạch định và lập tiến độ dự án, giám sát và kiểm soát dự án, và các cách tiếp cận giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình quản lý dự án. Ngoài ra, môn học cũng giới thiệu các phần mềm liên quan nhằm nâng cao hiệu quả trong quản lý dự án.	3/0/6	
43.	MARI331907	Quản trị rủi ro	Môn học này để nhấn mạnh tầm quan trọng của quản lý rủi ro doanh nghiệp (RM) đối với thành công của tổ chức là rất kịp thời. RM thành công, bao gồm việc bảo vệ danh tiếng của doanh nghiệp, tiếp tục là một yêu cầu cấp thiết cho tất cả các tổ	3/0/6	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng HP *(tóm tắt)*	Khối lượng kiến thức (LT/TH / Tự học)	Môn học trước
			chức. Một sáng kiến RM thành công nâng cao khả năng của một tổ chức để đạt được các mục tiêu và đảm bảo tính bền vững, dựa trên các hành vi minh bạch và đạo đức		
III. Thực tập - Khóa luận tốt nghiệp				***8***	
44.	BAIN421306	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	Sinh viên đăng ký đề tài và tham gia thực tập tại các công ty dưới sự hướng dẫn của GVHD do Khoa phân công. Học phần giúp sinh viên hiểu biết về cơ cấu tổ chức hoạt động của 1 doanh nghiệp; mô tả được cơ cấu tổ chức của 1 doanh nghiệp cũng như các phòng ban trong doanh nghiệp; biết cách trình bày 1 báo cáo thực tập tốt nghiệp; thực hiện được một báo cáo thực tập tốt nghiệp hoàn chỉnh.	0/2/4	
45.	BAGR461306	Khóa luận tốt nghiệp (QTKD)	Học phần này giúp hệ thống lại/ nâng cao những kiến thức đã học trong chương trình, đồng thời ứng dụng những kiến thức đã học vào trong thực tiễn.	6/0/16	
IV. Tự chọn Cơ sở ngành và ngành				***6***	
46.	ABDA433708	Ứng dụng phân tích dữ liệu lớn trong kinh doanh (Big Data)	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về big data, cách các công ty ứng dụng phân tích dữ liệu lớn trên thế giới, Việt Nam. Nắm được phương pháp triển khai hiệu quả nhất cho một hệ thống dữ liệu lớn cụ thể và phổ biến.	3/0/6	
47.	CSRE231306	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	Học phần cung cấp cái nhìn toàn diện về trách nhiệm xã hội doanh nghiệp trong bối cảnh kinh doanh hiện đại và áp lực của môi trường kinh tế-xã hội. Học phần bao gồm các khái niệm nền tảng và cơ cấu hợp thành Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp. Trước tiên, học phần giúp người học hiểu về khái niệm bền vững và mối quan hệ với môi trường, xã hội, kinh tế. Tiếp theo, học phần đi sâu vào lý thuyết về các bên liên quan và trách nhiệm của doanh nghiệp;	3/0/6	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng HP *(tóm tắt)*	Khối lượng kiến thức (LT/TH / Tự học)	Môn học trước
			xem xét việc quản trị doanh nghiệp và quản lý các bên liên quan. Học phần cung cấp cái nhìn toàn diện về các trách nhiệm kinh tế, pháp lý, đạo đức và từ thiện cũng như trách nhiệm xã hội chiến lược của doanh nghiệp, trang bị những vấn đề lý luận cơ bản và thực tiễn thực hành nguyên tắc, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp cũng như từng cá nhân trong kinh doanh		
48.	DECO230407	Kinh tế số	Khóa học này cung cấp cho người học những kiến cơ bản về nền kinh tế số và các đặc điểm của nền kinh tế số như nền tảng của nền kinh tế số, các thành phần của nền kinh tế số. Ngoài ra, khóa học này còn cung cấp cho người học kiến thức về một số công cụ đo lường nền kinh tế số do Worldbank cung cấp, các số liệu và tình hình về kinh tế số các quốc gia trên thế giới và Việt Nam. Bên cạnh đó, khóa học này trang bị cho người học kỹ năng mềm bao gồm kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng thuyết trình.	3/0/6	
49.	INMA231406	Quản trị sáng tạo và đổi mới	Môn học khơi dậy tinh thần đổi mới và sáng tạo không ngừng hoạt động quản trị kinh doanh, đặc biệt trong thời đại của cuộc cách mạng công nghệ 4.0; Đạt được hiểu biết về sáng tạo và đổi mới là cần thiết trong doanh nghiệp; nắm vững các khái niệm về sáng tạo và đổi mới cũng như phương pháp ứng dụng vào thực tế.	3/0/6	
50.	FUBY333808	Lập trình căn bản Python	Khóa học cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng và những kỹ năng cần thiết có thể xây dựng các ứng dụng đơn giản bằng Python – một ngôn ngữ lập trình cấp cao, thông dịch, định hướng đối tượng và đa mục đích. Rèn luyện và phát triển kỹ năng lập trình, tư duy logic. Xây dựng nền tảng cơ bản vững	2/1/6	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng HP *(tóm tắt)*	Khối lượng kiến thức (LT/TH / Tự học)	Môn học trước
			chắc trong ngôn ngữ lập trình Python tạo tiền đề cho việc học các kiến thức lập trình web, Machine learning, Data Science … phát triển nghề nghiệp.		
51.	EPAY431408	Thanh toán điện tử	Học phần này bao quát những kiến thức trong Thanh toán Điện tử, nhằm giúp người học hiểu được những ứng dụng công nghệ mới trong thanh toán và trong giao dịch điện tử, từ những giao dịch đơn lẻ giữa cá nhân với nhau cho tới những giao dịch phức tạp qua các cổng thanh toán điện tử. Học phần này cũng cung cấp những kiến thức cơ bản về mô hình giao dịch không dùng tiền mặt được tiến hành trên mạng Internet ở các thị trường khác nhau, với các đồng tiền khác nhau, cũng như sự bùng nổ của công nghệ thanh toán, đặc biệt chú ý tới thị trường Việt Nam	3/0/6	
V. Tự chọn chuyên ngành				***6***	
52.	BPLA430606	Kế hoạch kinh doanh	Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh trong doanh nghiệp. Trên cơ bản là cung cấp những kiến thức cần thiết để SV có thể tổng hợp và thiết lập bản kế hoạch kinh doanh từ mô tả về hình thức doanh nghiệp, xác định mục tiêu kinh doanh, phân tích thị trường, lên kế hoạch marketing và vận hành doanh nghiệp, dự kiến vốn cần thiết và đánh giá khả năng sinh lợi, khả năng hoàn vốn, và các dự báo hoạt động kinh doanh cần thiết khác nhằm để đón đầu cơ hội làm ăn hay có thể giảm thiểu những rũi ro có thể xảy ra. Việc thu thập thông tin để thực hiện kế hoạch kinh doanh giúp SV nhận dạng sự liên kết giữa các môn học trong chương trình đào tạo, sự phối hợp giữa các bộ phận phòng ban trong doanh nghiệp, và mối quan hệ giữa lý	3/0/6	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng HP *(tóm tắt)*	Khối lượng kiến thức (LT/TH / Tự học)	Môn học trước
			thuyết với thực tiễn.		
53.	MAAC430507	Kế toán quản trị	Kế toán quản trị có chức năng thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cần thiết cho nhà quản trị để thực hiện quản trị tổ chức. Thông tin của kế toán quản trị là một trong những nguồn thông tin chủ yếu cho nhà quản trị ra quyết định, điều hành và kiểm soát hoạt động trong một tổ chức. Môn học đi vào các nội dung cụ thể của kế toán quản trị như sau: phân tích mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận, phân tích chi phí phục vụ cho việc ra quyết định kinh doanh, lập kế hoạch và dự toán ngân sách, phân tích biến động chi phí sản xuất, đánh giá trách nhiệm quản lý, sử dụng kỹ thuật phân tích biến động đánh giá hiệu quả các hoạt động trong doanh nghiệp…	3/0/6	
54.	ORBE330306	Hành vi tổ chức	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về mô hình hành vi tổ chức, các yếu tố tác động đến những hành vi của cá nhân và các nhóm trong một tổ chức, các vấn đề về thông tin liên lạc, lãnh đạo, cấu trúc và văn hóa tổ chức.	3/0/6	
55.	BUSI332106	Mô phỏng kinh doanh	Môn học này cung cấp kiến thức chuyên sâu về các kỹ thuật mô phỏng như một công cụ hỗ trợ ra quyết định chiến lược kinh doanh. Sinh viên sẽ học cách xây dựng và mô phỏng các môi trường kinh doanh để đánh giá chiến lược, dự báo kết quả và tối ưu hóa hiệu suất. Chương trình bao gồm các nội dung về mô hình hóa tác nhân, mô phỏng Monte Carlo, thiết lập hệ thống, và ứng dụng lý thuyết trò chơi.	3/0/6	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng HP *(tóm tắt)*	Khối lượng kiến thức (LT/TH / Tự học)	Môn học trước
56.	PRAN331106	Lập và phân tích dự án	Trang bị cho sinh viên những hiểu kiến thức cơ bản về phân tích dự án như: phân tích thị trường, phân tích kỹ thuật-công nghệ, phân tích nhân lực, phân tích tài chính Môn học cũng trang bị cho sinh viên những chỉ tiêu lựa chọn dự án như: NPV, IRR, B/C... Ngoài ra, môn học cũng trang bị những kiến thức về lạm phát và tác động của lạm phát lên tính khả thi của dự án. Sinh viên cũng được trang bị những công cụ phân tích rủi ro như: phân tích độ nhạy, phân tích tình huống và mô phỏng	3/0/6	
57.	ENBA421206	Chuyên đề doanh nghiệp	Chuyên đề doanh nghiệp là một môn yêu cầu sinh viên tham gia các hoạt động kết nối với doanh nghiệp thông qua các hình thức : tham quan doanh nghiệp, tham gia các hoạt động báo cáo chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp hoặc các chuyên gia đến từ các doanh nghiệp báo cáo tại trường. Các hoạt động này được thực hiện xuyên suốt từ học kỳ 1 đến học kỳ 6 trong CTĐT của ngành học. Sau khi hoàn tất học phần, sinh viên sẽ có cái nhìn tổng quan về môi trường làm việc tại doanh nghiệp cũng như có sự gắn kết với doanh nghiệp và nắm bắt được các cơ hội thực tập cũng như cơ hội việc làm tại doanh nghiệp. Sinh viên cũng hiểu được các xu hướng nghề nghiệp trong tương lai cũng như sự phát triển của khoa học và công nghệ tại doanh nghiệp	0/2/4	

9. Hướng dẫn thực hiện:

Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh được triển khai theo quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Bộ GD&ĐT và của trường ĐH SPKT Tp.HCM.

Giờ quy định tính như sau: 1 tín chỉ = 15 tiết giảng dạy lý thuyết hoặc thảo luận trên lớp = 30 giờ thí nghiệm hoặc thực hành = 45 giờ tự học = 45 ÷ 90 giờ thực tập tại cơ sở = 45 ÷ 60 giờ thực hiện đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Số giờ của môn học là bội số của 15.

Khối kiến thức lý luận chính trị: Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Khối kiến thức ngoại ngữ: Chuẩn đầu ra ngoại ngữ được Hội đồng Khoa học Đào tạo trường quyết định vào đầu các khóa tuyển sinh. Trong thời gian học tập, Nhà trường sẽ kiểm soát sự phát triển trình độ ngoại ngữ của sinh viên qua từng năm học để quyết định số tín chỉ các môn học trong học kỳ mà SV được phép đăng ký. SV có thể tự học hoặc đăng ký theo học chương trình phát triển năng lực ngoại ngữ theo đề án của Nhà trường.

Khối kiến thức Giáo dục thể chất: Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần Giáo dục thể chất 2, 3: Sinh viên tự chọn theo danh mục khi đăng ký học phần.

Khối kiến thức Giáo dục Quốc phòng: Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Sinh viên thực hiện tích lũy theo tín chỉ và được cấp chứng chỉ sau khi hoàn thành các yêu cầu của học phần.

Khối kiến thức tự chọn Khoa học xã hội và nhân văn: Sinh viên tự chọn 2 môn học tương ứng với 4 tín chỉ trong danh mục khi đăng ký học phần.

Khối kiến thức tự chọn Cơ sở ngành: Sinh viên tự chọn 2 môn học tương ứng với 6 tín chỉ trong danh mục khi đăng ký học phần.

Khối kiến thức tự chọn Chuyên ngành: Sinh viên tự chọn 2 môn học tương ứng với 6 tín chỉ trong danh mục khi đăng ký học phần.

Các khối kiến thức còn lại được bố trí vào 8 học kỳ như được trình bày tại mục 8.

HIỆU TRƯỞNG